TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 208/2019/HC-PT
Ngày: 05/11/2019
"Khiếu kiện các quyết định hành chính thu hồi, bồi thường về đất"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Tấn Trường**

Các Thẩm phán: **Ông Nguyễn Tấn Long**

Ông Lê Phước Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Tuyết Trinh**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Tấn Ánh** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/TLPT-HC ngày 11 tháng 3 năm 2019 về *"Khiếu kiện các quyết định hành chính thu hồi, bồi thường về đất"*, do bản án hành chính sơ thẩm số 14/2018/HC-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú yên có kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1430/2019/QĐ-PT ngày 14 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1960; trú tại Khu phố 4, Thị trấn H2, huyện Đ2, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Ông Nguyễn Thành Q, sinh năm 1966; trú tại Khu phố 3, Thị trấn H2, huyện Đ2, tỉnh Phú Yên. Có đơn vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Thành Q1, sinh năm 1970; trú tại Khu phố 2, Thị trấn H2, huyện Đ2, tỉnh Phú Yên. Có đơn vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị Kim V, sinh năm 1973; trú tại Kp.2, Thị trấn H2, huyện Đ2, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Kim V: bà Trần Thị Như Th, là Luật sư cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1979; trú tại Khu phố 2, Thị trấn H2, huyện Đ2, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

6. Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1980; trú tại: Khu phố P1, thị trấn H3, huyện Đ2, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- ***Người bị kiện:***

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

Địa chỉ: số 07 đường Đ1, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện hợp pháp, ông Phạm Đại D, chức vụ: Chủ tịch*, là người đại diện theo pháp luật,* ông Nguyễn Chí H1 – Phó Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên, *là người đại diện theo ủy quyền*. Có văn bản đề nghị xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Mai Kim L-Phó Giám đốc sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

2. UBND huyện Đ2, tỉnh Phú Yên

Địa chỉ: Khu phố 2, Thị trấn H2, huyện Đ2, tỉnh Phú Yên.

3. Chủ tịch UBND huyện Đ2, tỉnh Phú Yên.

Địa chỉ: Khu phố 2, Thị trấn H2, huyện Đ2, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện hợp pháp, ông Võ Đình T1, chức vụ: Chủ tịch*, là người đại diện theo pháp luật,* ông Lê Tấn Th1 – Phó Chủ tịch UBND huyện Đ2 *là người đại diện theo ủy quyền* (Văn bản ủy quyền số 31/UQ-UBND ngày 15/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện Đ2). Có đơn vắng mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1.Ủy ban nhân dân thị trấn H2, huyện Đ2.

Địa chỉ: Khu phố 2, Thị trấn H2, huyện Đ2, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ3 – Công chức địa chính Ủy ban nhân dân thị trấn H2, huyện Đ2. Có đơn vắng mặt.

2.Bà Nguyễn Thị Thiêu, sinh năm 1936, trú tại khu phố 2, Thị trấn H2, huyện Đ2, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có yêu cầu xin vắng mặt do già yếu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện các ông bà Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thành Q, Nguyễn Thành Q1, Nguyễn Thị Kim V; Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Thị Kim N thống nhất trình bày:

Cha mẹ là ông Nguyễn Trọng P (chết năm 2015), bà Lê Thị Tuyết Q2 (chết năm 2013) sinh được 7 người con gồm có Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thành Q, Nguyễn Thành Q1, Nguyễn Thị Kim V; Nguyễn Thành V1 (chết năm

1994), Nguyễn Thành Đ và Nguyễn Thị Kim N. Vào khoảng năm 1960, ông P và bà Q2 mua và tạo lập được diện tích đất khoảng 5 sào, trong đó có 1 sào 3 thước 9 tấc đất ở, còn lại 04 sào đất trồng hoa màu tại thôn 3, xã H2, huyện Đ2 (nay là khu phố 3, thị trấn H2). Đến năm 1979, ông Nguyễn Trọng P bị bệnh vào Sài Gòn chữa trị, Hợp tác xã tự ý lấy đất của ông P và bà Q2. Ông P và bà Q2 khiếu nại liên tục. Đến năm 1993, chính quyền lập Biên bản giải quyết tranh chấp ruộng đất tập thể chấp nhận hoán đổi diện tích đất ở tại thôn 3 lên thôn 2, thị trấn H2 (Biên bản này bị thất lạc, sau này mới tìm thấy). Trong đó có nội dung để cho cha ông bà là Nguyễn Trọng P cất nhà tại khu phố 2 sau này các con lập gia đình không có nơi ở thì ở khu phố 2 và không khiếu nại đất và tài sản ở khu phố 3. Sau đó, gia đình ông bà chuyển lên thôn 2, xã H2 (nay là khu phố 2, thị trấn H2) sinh sống. Năm 2014 thực hiện Dự án: Đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 tại km 1340 + 600 đến km 1353+300 tỉnh Phú Yên, thu hồi đất của gia đình ông bà nhưng không có quyết định thu hồi, không bồi thường, không hỗ trợ, không bồi thường quyền lợi trên đất thuê. Cụ thể, thu hồi diện tích đất của ông P, bà Q2 là 18.5m x 6.03m = 111.5m^2, thu hồi của Nguyễn Thị Kim V diện tích 34,5m^2. Không đồng ý với việc thu hồi đất, ông Nguyễn Thành Đ, bà Nguyễn Thị Kim V khiếu nại. Chủ tịch UBND huyện Đ2, Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên giải quyết khiếu nại lần 1, lần 2 cho các ông bà Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Thị Kim V nhưng không đồng ý với nội dung giải quyết khiếu nại. Tại buổi tiếp công dân định kỳ của UBND huyện ngày 14/12/2015 và buổi tiếp công dân định kỳ tháng 11/2015 của UBND tỉnh, ông Nguyễn Thành Đ khiếu nại Quyết định số 1296/QĐ-UBND ngày 09/10/2014 của UBND huyện Đ2 về việc thu hồi đất nông nghiệp diện tích 384m^2 (thửa đất trích đo số 264) gia đình ông Đ đang sản xuất và việc không giao quyết định trên cho gia đình ông. Ngày 07/01/2016, UBND huyện Đ2 ra Thông báo số 02/TB-UBND về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại liên quan đến thửa 264 nêu trên. Ông Nguyễn Thành Đ khiếu nại tiếp lên Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên. Ngày 27/4/2016, UBND tỉnh Phú Yên có thông báo số 1940/UBND-NC về việc trả lời các nội dung khiếu nại, kiến nghị, phản ánh, đề nghị của ông Nguyễn Thành Đ. Không đồng ý, ông Nguyễn Thành Đ và các đồng khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết các nội dung sau:

1. Hủy các quyết định hành chính: Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 20/7/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Thành Đ. Quyết định số 792/QĐ-UBND ngày 06/4/2015 của Chủ tịch UBND huyện Đ2 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Thành Đ (lần đầu). Quyết định số 1884/QĐ-UBND ngày 01/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Kim V (lần 2). Quyết định số 791/QĐ-UBND ngày 06/4/2015 của Chủ tịch UBND huyện Đ2 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Kim V (lần đầu). Quyết định số 1296/QĐ-UBND, ngày 09/10/2014 của UBND huyện Đ2 về việc thu hồi diện tích đất chuyên trồng lúa nước (LUC) do UBND thị trấn H2 quản lý. Văn bản số 1940/UBND-NC ngày 27/04/2016 của UBND tỉnh Phú Yên v/v trả lời nội dung khiếu nại, kiến nghị phản ánh, đề nghị của ông Nguyễn

Thành Đ. Thông báo số 02/TB-UBND ngày 07/01/2016 của UBND huyện Đ2 về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành Đ. Quyết định số 1319/QĐ – UBND ngày 09/10/2014 của UBND huyện Đ2 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phần liên quan đến bà Lê Thị Tuyết Q2, Nguyễn Thị Kim V. Quyết định số 1728/QĐ-UBND tháng 10/2014 về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Lê Thị Tuyết Q2 (đợt 42). Quyết định số 1729/QĐ-UBND ngày 15/10/2014 về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Nguyễn Thị Kim V (đợt 42).

2. Yêu cầu hỗ trợ về đất khi thu hồi để thực hiện công trình mở rộng Quốc lộ 1A năm 2014.

3. Đòi bồi thường 17,92m^2 thu hồi nằm trong diện tích 50m^2 mua lại của ông Nguyễn Phú từ năm 2014.

4. Bồi thường diện tích 34,5m^2 đất với đơn giá 2.500.000đ/m^2 và tài sản gắn liền trên đất tại khu phố 2 (của bà Nguyễn Thị Kim V).

5.Yêu cầu bố trí tái định cư tại chỗ.

Tại Văn bản số 6019/UBND-NC ngày 22/11/2016, người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên trình bày (BL419):

Ngày 25/3/2015, ông Nguyễn Trọng P (cha ông Đ) có giấy ủy quyền cho ông Nguyễn Thành Đ khiếu nại. Ngày 10/4/2015, ông Nguyễn Thành Đ khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh với nội dung không đồng ý Quyết định số 792/QĐ-UBND ngày 06/4/2015 của Chủ tịch UBND huyện Đ2 về việc giải quyết khiếu nại của ông. Căn cứ nội dung đơn đề ngày 10/4/2015 và tại Biên bản làm việc với Thanh tra tỉnh ngày 13/5/2015, ông Nguyễn Thành Đ trình bày nội dung khiếu nại việc UBND huyện Đ2 thu hồi đất của gia đình ông và cha mẹ ông để thực hiện dự án nâng cấp và mở rộng Quốc lộ 1A năm 2013 nhưng không bồi thường đối với:

1. *Diện tích đất và tài sản trên đất gắn liền trên đất tại khu phố 2, Thị trấn H2 của cha, mẹ ông là ông Nguyễn Trọng P và bà Lê Thị Tuyết Q2.*

2. *Diện tích 17.92m^2, trong tổng diện tích đất 50m^2 của ông Nguyễn Thành Đ do nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Phú.*

3. *Đề nghị trả lại cho cha mẹ ông diện tích 1 sào 3 thước 9 tấc ở xóm M khu phố 3, Thị trấn H2."*

- Nội dung đề nghị bồi thường diện tích đất và công trình vật kiến trúc trên đất của ông Nguyễn Trọng P (vợ là bà Lê Thị Tuyết Q2) tại khu phố 2:

+ Đối với nội dung bồi thường về đất: Diện tích đất tại khu phố 2 mà ông Nguyễn Thành Đ (người được ủy quyền) đang kiện là đất hành lang giao thông do UBND thị trấn H2 quản lý. Năm 1997 UBND xã H2 giao cho ông Nguyễn Trọng P thuê, sử dụng để trồng lúa; quá trình sử dụng, ông P và bà Q2 đã nhiều lần tự ý đổ cát, nâng nền cất nhà và bị chính quyền địa phương nhiều lần lập biên bản và xử phạt hành chính vào các năm 1998,2002 và 2003. Tuy nhiên, bà Q2 không chấp hành, cho con là ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị Kim V

xây dựng hai ngôi nhà trái phép trên diện tích đất do UBND thị trấn H2 quản lý, sử dụng đến khi thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1. Căn cứ điểm a, khoản 3, Điều 22 Nghị định 43/2014/ND-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai, nhận thấy: Trường hợp hộ ông P và bà Q2 đã tự ý chuyển mục đích sử dụng đất thuê của UBND xã H2 mà chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép thì được tạm thời sử dụng cho đến khi thu hồi đất và không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặt khác, căn cứ vào khoản 1 Điều 13 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Như vậy, hộ ông P không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do đó không đủ điều kiện đề bồi thường về đất theo quy định pháp luật.

+ Đối với nội dung bồi thường đề nghị bồi thường công trình, vật kiến trúc trên đất: Theo Biên bản họp ngày 20/6/2014 của Hội đồng xét nguồn gốc đất thị trấn H2, Hội đồng kết luận: Đất tại khu phố 2 mà ông Nguyễn Trọng P và bà Lê Thị Tuyết Q2 khiếu nại là đất lúa trong hành lang Quốc lộ 1A do UBND thị trấn H2 quản lý; công trình vật kiến trúc xây dựng trước năm 2001. Theo Công văn số 2546/UBND-KT ngày 01/7/2014 của UBND tỉnh Phú Yên về việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo Luật đất đai năm 2013; điểm b, khoản 3 Điều 22 Quyết định số 10/2013/QĐ-UBND ngày 23/4/2013 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên; hộ ông P và bà Q2 xây dựng công trình, vật kiến trúc trên diện tích đất thuê của UBND xã H2 trước năm 2001, nên được hỗ trợ 40% mức bồi thường công trình vật kiến trúc theo quy định, do đó yêu cầu bồi thường toàn bộ công trình, vật kiến trúc là không có cơ sở pháp luật.

- Diện tích 17.92m^2 trong tổng diện tích đất 50m^2 tại khu phố 2: Theo tờ bản đồ số 17C đo đạc năm 1995 là đường giao thông do UBND thị trấn H2 quản lý, hiện các hộ: ông Nguyễn Trọng P (chồng bà Q2), Nguyễn Thành Q1 (con bà Q2) và ông Nguyễn Dung (nhận chuyển nhượng đất của ông P) cùng sử dụng con đường này để đi lại. Hộ ông Nguyễn Thành Đ không phải là đối tượng bị thu hồi đất mà là đất của UBND thị trấn H2 quản lý, nên không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định tại Điều 75 Luật đất đai năm 2013. Do đó, việc ông Nguyễn Thành Đ khiếu nại yêu cầu bồi thường về đất đối với diện tích đất này là không có cơ sở pháp luật.

- Đề nghị trả lại diện tích đất thổ ở xóm M tại khu phố 3, thị trấn H2: Đất ông Nguyễn Thành Đ đang khiếu nại được cân đối giao đất theo Nghị định 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ cho các hộ: ông Nguyễn Văn L1, thuộc thửa đất số 58, diện tích 1.940m^2, loại đất 02 lúa và ông Phạm Toàn K, thuộc thửa đất số 59, diện tích 390m^2, loại đất 02 lúa. Ông Nguyễn Thành Đ khiếu nại đòi lại diện tích đất nêu trên là không có cơ sở pháp luật (căn cứ khoản 5 Điều 26 Luật đất đai năm 2013).

Từ những cơ sở trên, Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 20/7/2015 về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với

ông Nguyễn Thành Đ, không công nhận nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Thành Đ là có căn cứ pháp luật. Ngày 28/1/2016, ông Nguyễn Thành Đ đến trụ sở tiếp công dân tỉnh đề nghị xem xét lại trường hợp khiếu nại của ông. Ngày 03/02/2016, UBND tỉnh có Thông báo số 78/TB-UBND về ý kiến kết luận và chỉ đạo của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Phan Đình Ph tại buổi tiếp công dân định kỳ tháng 01/2016, trong đó giao Thanh tra tỉnh làm việc với ông Nguyễn Thành Đ để xác định nội dung kiến nghị. Thanh tra tỉnh đã làm việc với ông Đ và UBND huyện Đ2. Trên cơ sở đó, ngày 25/3/2016 có công văn số 187/TTr-NV4 báo cáo UBND tỉnh. Ngày 27/4/2016, UBND tỉnh có công văn số 1940/UBND-NC trả lời nội dung kiến nghị của ông Đ.

Do đó, việc ông Nguyễn Thành Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên hủy bỏ quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 20/7/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh, Công văn số 1940/UBND-NC ngày 27/4/2016 của UBND tỉnh về trả lời nội dung kiến nghị của ông Đ là không có căn cứ pháp luật.

Tại văn bản số 6020/UBND-NC ngày 22/11/2016, Ý kiến của người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim V (bà V là một trong đồng khởi kiện vụ án, có khiếu nại riêng lên Chủ tịch UBND tỉnh và đã có quyết định giải quyết khiếu nại lần 2). (BL423)

Bà Nguyễn Thị Kim V khiếu nại yêu cầu giải quyết:

1.Bồi thường diện tích 34,5m^2 đất với đơn giá 2.500.000đ/m^2 và tài sản gắn liền trên đất tại khu phố 2;

2.Bố trí tái định cư tại chỗ cho gia đình bà;

3.Hỗ trợ tiền làm nhà trong quá trình thực hiện Dự án, bởi vì gia đình bà thuộc diện hộ nghèo có mã số.

4. Từ năm 1960 cha mẹ bà là Nguyễn Trọng P và Lê Thị Tuyết Q2 để lại cho bà sử dụng, với diện tích 1 sào 3 thước 9 tấc tại xóm M, xã H2 (nay là khu phố 3, thị trấn H2). Đến năm 1979 hợp tác xã H2 2 đã sử dụng làm sân kho, nhưng không bồi thường cho gia đình bà, nay bà V đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, trả lại phần đất này cho gia đình bà.

Kết quả thẩm tra, xác minh:

1. Bà V đề nghị Nhà nước bồi thường diện tích 34.5m^2 đất với đơn giá là 2.500.000đ/m^2 và tài sản gắn liền trên đất tại khu phố 2:

Nguồn gốc đất bà V khiếu nại qua các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Năm 1992 địa bàn xã H2 (nay là thị trấn H2) đo đạc, lập bản đồ theo Chỉ thị 299/TTg, diện tích đất bà V khiếu nại là một phần của thửa 121, tờ bản đồ số 5, diện tích 2.340m^2, loại đất hai lúa. Năm 1995, xã H2 triển khai giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp theo Nghị định số 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ (NĐ 64-CP). Ngày 15/4/1995, UBND thị trấn H2 lập phương án giao đất được UBND huyện T2 (cũ) phê duyệt cùng ngày (15/4/1995); thời điểm chốt nhân khẩu được

tính từ 0 giờ ngày 01/3/1995. Thời điểm này bà V cùng chung hộ khẩu với cha mẹ là Nguyễn Trọng P và Lê Thị Tuyết Q2. Đến ngày 31/12/1997, Hội đồng xét giao đất thị trấn H2 họp thống nhất giao cho hộ ông P được cân đối giao đất 05 thửa, trong đó có thửa số 121, tổng diện tích 2.340m^2, giao cho hộ ông P 1.110m^2 đất 2 vụ lúa, còn lại 1.230m^2 đất 2 lúa nằm trong đất hành lang giao thông do UBND thị trấn H2 quản lý (diện tích 34,5m^2 bà V đang khiếu nại là một phần trong 1.230m^2 đất quy hoạch giao thông). Quá trình sử dụng đất của ông P và bà Q2, bà V: Từ năm 1994 đến năm 2012 bà Q2, ông P và bà V đã nhiều lần tự ý san lấp đất 2 lúa được quy hoạch giao thông để làm nhà tại thửa 121, tờ bản đồ số 05; UBND thị trấn H2 kiểm tra, lập hồ sơ xử lý vi phạm hành chính, cụ thể: Ngày 18/11/1994, HTX nông nghiệp H2 kiểm tra lập Biên bản đối với bà Q2 đã có hành vi lấn chiếm đất 2 lúa quy hoạch giao thông với diện tích 30m^2 (5mx6m) làm nhà lợp bằng ngói, diện tích 12m^2; yêu cầu đến hết ngày 20/11/1994 phải tự tháo dỡ nhà, trả lại đất như trước khi vi phạm nhưng vợ chồng bà Q2 không chấp hành. Đến năm 1998, vợ chồng bà Q2 tiếp tục đổ cát nâng nền với diện tích 132m^2 (tăng thêm 102m^2); ngày 12/3/1998, UBND xã H2 lập Biên bản kiểm tra, yêu cầu vợ chồng bà Q2 phải trả lại đất như trước khi vi phạm nhưng vợ chồng bà Q2 không chấp hành. Năm 2002, vợ chồng bà Q2 tiếp tục đổ cát nâng nền với diện tích 195m^2 (tăng thêm 63m^2); ngày 03/9/2002, UBND xã H2 lập Biên bản vi phạm hành chính; theo đó, ngày 04/9/2002 UBND xã H2 có Quyết định số 75/QĐ-UB xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai đối với bà Q2, phạt tiền 200.000 đồng; biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc vợ chồng bà Q2 phải trả lại đất như trước khi vi phạm nhưng vợ chồng bà Q2 không chấp hành. Năm 2003, bà Q2 tiếp tục vi phạm; ngày 03/9/2003 UBND xã H2 lập Biên bản xử phạt vi phạm hành chính đối với bà. Ngày 08/10/2003, UBND xã H2 có Tờ trình số 69/TTr-UB đề nghị UBND huyện T2 (nay là huyện Đ2) xử phạt hành chính đối với bà Q2. Ngày 21/10/2003, UBND huyện T2 có Quyết định số 954/QĐ-CT về xử phạt hành chính về lĩnh vực đất đai đối với bà Q2; phạt tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng); Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc bà Q2 phải tự tháo dỡ móng nhà và hốt toàn bộ đất, cát, trả lại đất như trước khi vi phạm để sử dụng đúng mục đích. Ngày 10/5/2004, UBND xã H2 kiểm tra nhưng vợ chồng bà Q2 vẫn không chấp hành. Do đó, ngày 19/8/2004 Phòng Tài nguyên và Môi trường có Tờ trình số 394/TTr-TNMT, đến ngày 26/8/2004 UBND huyện Đ2 có Quyết định số 898/QĐ-CC về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai đối với hộ bà Lê Thị Tuyết Q2 nhưng UBND huyện Đ2 không tổ chức cưỡng chế. Đến năm 2012, bà Nguyễn Thị Kim V tiếp tục vi phạm, ngày 13/01/2012 UBND thị trấn H2 lập Biên bản vi phạm hành chính số 15/BB-VPHC trong lĩnh vực đất đai đối với bà V; trên cơ sở đó ngày 06/02/2012 UBND thị trấn H2 có Quyết định số 05/QĐ-KPHQ về việc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà, buộc bà V phải trả lại đất như trước khi vi phạm nhưng bà V không chấp hành. Năm 2013, bà Q2 bị bệnh chết, ông P có nhà ở tại thửa 98, tờ bản đồ số 17-C, diện tích 1.640m^2 ; bà V và con gái ở tại ngôi nhà bị xử lý này.

Việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Nguyễn Thị Kim V: Ngày 20/6/2014, Hội đồng họp xét nguồn gốc đất kết luận: "*đất lúa trong hành lang Quốc lộ 1A do UBND thị trấn H2 quản lý; xây dựng nhà sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004, công trình vật kiến trúc xây dựng trước ngày 24/9/20001; không bồi thường về đất*". Diện tích 127,4m^2, thu hồi 34.5m^2, đây là đất lúa nằm trong hành lang Quốc lộ 1A do UBND thị trấn H2 quản lý; hộ gia đình bà V không bị thu hồi đất, do đó không bồi thường về đất là đúng quy định pháp luật. Ngày 09/10/2014, UBND huyện Đ2 có Quyết định số 1319/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện Dự án, cho 23 trường hợp; trong đó hộ bà V được bồi thường, hỗ trợ với số tiền 11.090.031 đồng (bồi thường nhà, vật kiến trúc 10.940.031 đồng và cây trồng vật nuôi 150.000 đồng); không bồi thường về đất. Như vậy, diện tích 34,5m^2 bà V đang khiếu nại đề nghị được bồi thường là đất quy hoạch giao thông do UBND thị trấn H2 quản lý; phần diện tích này năm 2014 UBND huyện Đ2 thu hồi đất để thực hiện Dự án không ảnh hưởng đến diện tích hộ gia đình bà V. Từ năm 1994 đến năm 2012 ông P, bà Q2 và con gái là bà V nhiều lần vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai bị cơ quan chức năng xử lý nhưng không chấp hành. Căn cứ điểm a, khoản 3, Điều 22 Nghị định số 43/2014/QĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013, bà V đã tự ý chuyển mục đích sử dụng đất mà chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép thì được tạm thời sử dụng cho đến khi thu hồi đất và không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. mặt khác, theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, hộ bà V không đủ điều kiện đề bồi thường về đất, nên việc bà V khiếu nại yêu cầu bồi thường về đất là không có cơ sở pháp luật.

Nội dung đề nghị bồi thường công trình, vật kiến trúc trên đất: Theo Biên bản họp ngày 20/6/2014 của Hội đồng xét nguồn gốc đất thị trấn H2, kết luận: Đất tại khu phố 2 mà bà V đang khiếu nại là đất lúa trong hành lang quốc lộ 1 do UBND thị trấn H2 quản lý, công trình vật kiến trúc xây dựng trước năm 2001. Theo Công văn số 2546/UBND-KT ngày 01/7/2014 của UBND tỉnh về việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo Luật đất đai năm 2013; điểm b, khoản 3, Điều 22 Quyết định số 10/2013/QĐ-UBND ngày 23/4/2013 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên, hộ bà V được hỗ trợ 40% mức bồi thường công trình, vật kiến trúc theo đúng quy định pháp luật. Do đó, việc bà Nguyễn Thị Kim V khiếu nại yêu cầu bồi thường toàn bộ công trình, vật kiến trúc là không có cơ sở pháp luật.

2.và 3. Bố trí tái định cư tại chỗ cho hộ gia đình bà V và hỗ trợ tiền làm nhà:

Như kết quả thẩm tra, xác minh nêu trên, hộ gia đình bà V không có đất bị thu hồi. Căn cứ Khoản 3, Điều 23 Quyết định số 10/2013/QĐ-UBND ngày 23/4/2013 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên (nay là khoản 6,

Điều 6 Quyết định số 57/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên), hộ bà V không đủ điều kiện bố trí tái định cư theo quy định. Theo quy định tại Khoản 6, Điều 22 Quyết định số 10/2013/QĐ-UBND ngày 23/4/2013 (nay là khoản 11, Điều 25 Quyết định số 57/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014) "*Hộ gia đình cá nhận thuộc diện hộ nghèo (có mã số) khi bị thu hồi đất thì được hỗ trợ để vượt nghèo trong thời gian 03 năm…*". Nhưng hộ gia đình bà V không bị thu hồi đất nên không được hỗ trợ theo quy định.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Đ2 và người đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày:

Thực hiện Thông báo số 391/TB-UBND ngày 24/7/2014 của UBND tỉnh Phú Yên về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án: Đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn từ km1340+600 đến km1353+300 thuộc địa phận tỉnh Phú Yên, trong quá trình đo đạc bản đồ địa chính để phục vụ công tác thu hồi đất, có các thửa đất bị thu hồi là 257, 258, 264 đây là các thửa đất quy hoạch giao thông do UBND thị trấn H2 quản lý. Ngày 09/10/2014, UBND huyện Đ2 ban hành Quyết định số 1296/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích đất chuyên trồng lúa nước (LUC) do UBND thị trấn H2 quản lý trong đó có thửa 257,258. Còn thửa 264 chưa ban hành quyết định thu hồi. Về nguồn gốc đất: tại sổ mục kê quyển 2 trang 05 được Giám đốc Sở địa chính tỉnh Phú Yên ký ngày 25/01/2002, thửa đất trích đo số 257,228, 264, tờ bản đồ trích đo số 440587-9-d, thuộc thửa đất số 120, tờ bản đồ số 17-C, diện tích 2.220m^2 trong đó diện tích đất được cân đối theo Nghị định 64-CP cho hộ bà Lê Thị Tuyết Q2 (mẹ ông Đ) 2.220m^2 và 1.190m ^{2} đất 2L-QHGT, do UBND thị trấn H2 quản lý. Phần diện tích bị ảnh hưởng bởi Dự án nằm trong diện tích 1.190m^2 đất 2L-QHGT, do UBND thị trấn H2 quản lý. Về thửa đất đường đi ông Đ khiếu nại yêu cầu bồi thường: UBND huyện xác định đường đi là đất giao thông do UBND thị trấn H2 quản lý nên khi thu hồi, nhà nước không bồi thường là đúng quy định pháp luật. Các quyết định thu hồi, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án của UBND huyện Đ2 là đúng quy định pháp luật. Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện Đ2 đối với ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị Kim V là đúng quy định. UBND huyện Đ2 đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND thị trấn H2 trình bày:

Thống nhất trình bày của người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên, UBND huyện Đ2, Chủ tịch UBND huyện Đ2. Không có ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thiêu trình bày:

Con của bà là Đỗ Nguyên Khánh (chết) bán cho ông P, bà Q2 để sử dụng đi lên Quốc lộ, việc mua bán có giấy tờ không thì bà không rõ. Hiện nay, bà được biết con đường đi ông Nguyễn Thành Đ khởi kiện được sử dụng chung cho các hộ ông Q1, ông Dung và các con ông P đi lại. Bà Thiêu tuổi cao, sức khỏe yếu nên yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Với nội dung trên, tại bản án hành chính sơ thẩm số 14/2018/HC-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Áp dụng các Điều 30, 32; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, khoản 2 Điều 165, Điều 347, Điều 348 Luật tố tụng hành chính; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Điều 11, Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện là các ông bà Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thành Q, Nguyễn Thành Q1, Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Thị Kim V, Nguyễn Thị Kim N về việc yêu cầu hủy các quyết định hành chính: Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 20/7/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Thành Đ (**QĐ số 1292**); Quyết định số 792/QĐ-UBND ngày 06/4/2015 của Chủ tịch UBND huyện Đ2 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Thành Đ (lần đầu) (**QĐ số 792**); Quyết định số 1884/QĐ-UBND ngày 01/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Kim V (**QĐ số 1884**); Quyết định số 791/QĐ-UBND ngày 06/4/2015 của Chủ tịch UBND huyện Đ2 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Kim V (lần đầu) (**QĐ số 791**); Quyết định số 1296/QĐ-UBND, ngày 09/10/2014 của UBND huyện Đ2 về việc thu hồi diện tích đất chuyên trồng lúa nước (LUC) do UBND thị trấn H2 quản lý **(QĐ số 1296)**; Văn bản số 1940/UBND-NC ngày 27/04/2016 của UBND tỉnh Phú Yên v/v trả lời nội dung khiếu nại, kiến nghị phản ánh, đề nghị của ông Nguyễn Thành Đ (**VB số 1940**); Thông báo số 02/TB-UBND ngày 07/01/2016 của UBND huyện Đ2 về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành Đ (**TB số 02**); Quyết định số 1319/QĐ-UBND ngày 09/10/2014 của UBND huyện Đ2 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phần liên quan đến bà Lê Thị Tuyết Q2, Nguyễn Thị Kim V (**QĐ số 1319**); Quyết định số 1728/QĐ-UBND tháng 10/2014 về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Lê Thị Tuyết Q2 (đợt 42) (**QĐ số 1728**); Quyết định số 1729/QĐ-UBND ngày 15/10/2014 về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Nguyễn Thị Kim V (đợt 42**)** (**QĐ số 1729**). Yêu cầu bồi thường, hỗ trợ về đất các thửa 257, 258, 264 và diện tích đất đường đi khi thu hồi để thực hiện công trình mở rộng Quốc lộ 1; Bố trí tái định cư tại chỗ cho gia đình bà V; Hỗ trợ tiền làm nhà trong quá trình thực hiện Dự án, bởi vì gia đình bà V thuộc diện hộ nghèo có mã số. Vì không có căn cứ.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện đối với yêu cầu trả lại diện tích đất 1 sào 3 thước 9 tấc ở thôn 3, xã H2 (nay là khu phố 3, Thị trấn H2, huyện Đ2).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 04/12/2018, các ông bà Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thành Q, Nguyễn Thành Q1, Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Thị Kim V, Nguyễn Thị Kim N

kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu hủy các quyết định hành chính.

Tại phiên tòa hôm nay, những người khởi kiện không rút hoặc bổ sung thay đổi mà vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, đơn kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm theo nội dung đơn kháng cáo.

Người bị kiện có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và bảo lưu quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa có ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, trình tự thủ tục phiên tòa đã được Hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng và ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay người bị kiện và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều gửi đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy HĐXX thống nhất ý kiến của người khởi kiện và đại diện Viện kiểm sát vẫn tiến hành xét xử như quy định tại khoản 1 Điều 157 luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung: Xét đơn kiện và đơn kháng cáo của các ông bà Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thành Q, Nguyễn Thành Q1, Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Thị Kim V, Nguyễn Thị Kim N yêu cầu hủy các văn bản hành chính của chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên và Chủ tịch UBND huyện Đ2, HĐXX thấy rằng: Thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn từ Km 1340+600 đến Km 1353+300 thuộc tỉnh Phú Yên, ngày 09/10/2014 UBND huyện Đ2 ban hành Quyết định số 1319/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với 23 đối tượng, gồm 01 tổ chức và 22 hộ gia đình, cá nhân, trong đó: Hộ gia đình vợ chồng bà Lê Thị Tuyết Q2 (chết ngày 27/1 1/2013), ông Nguyễn Trọng P (chết ngày 18/11/2015) được bồi thường tổng cộng 3.212.883 đồng, gồm: Bồi thường cây trồng số tiền 1.470.000 đồng, hỗ trợ vật kiến trúc trên đất số tiền 1.742.883 đồng, không được bồi thường về đất. Hộ gia đình bà Nguyễn Thị Kim V được bồi thường tổng cộng 11.090.031 đồng, gồm: Bồi thường nhà, vật kiến trúc số tiền 10.940.031 đồng, bồi thường cây trồng số tiền 150.000 đồng. Không đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ, ông Nguyễn Thành Đ thực hiện sự ủy quyền của ông Nguyễn Trọng P, có đơn khiếu nại ghi ngày 11/3/2015, bà Nguyễn Thị Kim V có đơn khiếu nại ghi ngày 12/3 2015 gửi Chủ tịch UBND huyện Đ2. Ngày 06/4/2015 Chủ tịch UBND huyện Đ2 ban hành Quyết định số 791/QĐ-UBND không công nhận toàn bộ đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Kim V và Quyết định số

792/QĐ-UBND ngày 06/4/2015 có nội dung không công nhận toàn bộ đơn khiếu nại của ông Nguyễn Thành Đ. Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại của chủ tịch UBND huyện Đ2, ngày 10/4/2015 ông Đ có đơn khiếu nại Quyết định số 792/QĐ- UBND và ngày 16/6/2015 bà V có đơn khiếu nại Quyết định số 791/QĐ-UBND gửi Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên. Ngày 20/7/2015, Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quyết định số 1292/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần 2, có nội dung: Không công nhận nội dung ông Đ, khiếu nại Quyết định số 792/QĐ-UBND ngày 06/4/2015 của Chủ tịch UBND huyện Đ2 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành Đ. Ngày 01/10/2015, Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quyết định số 1884/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần 2, có nội dung: Không công nhận nội dung đơn khiếu nại của bà V, khiếu nại Quyết định số 791/QĐ-UBND ngày 06/4/2015 của Chủ tịch UBND huyện Đ2 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Kim V. Tất cả các quyết định trên và các văn bản liên quan mà người khởi kiện yêu cầu hủy đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét về trình tự ban hành theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét về nguồn gốc sử dụng đất bị thu hồi: Vợ chồng ông Nguyễn Trọng P, bà Lê Thị Tuyết Q2 sử dụng đất có nguồn gốc là đất lúa quy hoạch giao thông do UBND thị trấn H2 quản lý, cho vợ chồng ông P, bà Q2 thuê để sản xuất lúa. Quá trình sử dụng vợ chồng ông P, bà Q2 đã nhiều lần đổ cát nâng nền, xây dựng nhà trên đất và cho các con Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Thị Kim V sử dụng, bị UBND xã H2 và UBND huyện T2 (cũ) xử phạt vi phạm hành chính. Vì vợ chồng ông P, bà Q2 và các con Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Thị Kim V sử dụng đất do lấn chiếm đất công do UBND thị trấn H2 quản lý, nên UBND huyện Đ2 không ban hành Quyết định thu hồi đất đối với vợ chồng ông P, bà Q2 và ông Đ, bà V và không bồi thường về đất (ban hành Quyết định thu hồi đối với UBND thị trấn H2) là đúng pháp luật.

[4] xét về yêu cầu bồi thường giá trị nhà và công trình trên đất: Nhà và công trình trên đất của ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị Kim V xây dựng trái phép trên đất sản xuất nông nghiệp, quy hoạch giao thông do UBND xã H2 quản lý, thời gian xây dựng nhà ở sau ngày 15/10/1993 và trước ngày 01/7/2004, công trình vật kiến trúc xây dựng trước ngày 24/9/2001. Tại điểm b, khoản 3, Điều 22 Quyết định số 10/2013/QĐ-UBND ngày 23/4/2013 của UBND tỉnh Phú Yên quy định: *"Nhà, công trình khác xây dựng trước ngày 01/7/2004 trên đất không đủ điều kiện được bồi thường về đất..., mà khi xây dựng vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền công bố, cắm mốc hoặc vi phạm hành lang bảo vệ công trình đã được cắm mốc thì được hỗ trợ 40% mức bồi thường..."*. Như vậy, UBND huyên Đông Hòa không bồi thường cho hộ gia đình ông Nguyễn Trọng P, hộ gia đình bà Nguyễn Thị Kim V mà thực hiện hỗ trợ 40% mức bồi thường công trình, vật kiến trúc là đúng theo quy định.

[5] Đối với yêu cầu bồi thường diện tích đất 17,92m^2 trong tổng diện tích đất 50m^2 của ông Nguyễn Thành Đ. Xét thấy, quá trình sử dụng ông Đ không kê khai đăng ký theo quy định và không có một trong các loại giấy tờ theo quy định của pháp luật chứng minh ông Đ có quyền sử dụng đối với diện tích đất trên,

nên UBND huyện Đ2 không thực hiện thủ tục thu hồi đất và bồi thường cho ông Đ là có căn cứ.

[6] Từ những nhận định trên, xét thấy không có cơ sở chấp nhận đơn kháng cáo của các ông bà Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thành Q, Nguyễn Thành Q1, Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Thị Kim V, Nguyễn Thị Kim N, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có căn cứ.

[7] Người kháng cáo không được chấp nhận, nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các ông bà Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thành Q, Nguyễn Thành Q1, Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Thị Kim V, Nguyễn Thị Kim N, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 14/2018/HC-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Áp dụng các Điều 30, 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 165, Điều 348 và Điều 349 Luật Tố tụng hành chính 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông bà Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thành Q, Nguyễn Thành Q1, Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Thị Kim V, Nguyễn Thị Kim N về việc yêu cầu hủy các quyết định hành chính: Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 20/7/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Thành Đ (**QĐ số 1292**); Quyết định số 792/QĐ-UBND ngày 06/4/2015 của Chủ tịch UBND huyện Đ2 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Thành Đ (lần đầu) (**QĐ số 792**); Quyết định số 1884/QĐ-UBND ngày 01/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Kim V (**QĐ số 1884**); Quyết định số 791/QĐ-UBND ngày 06/4/2015 của Chủ tịch UBND huyện Đ2 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Kim V (lần đầu) (**QĐ số 791**); Quyết định số 1296/QĐ-UBND, ngày 09/10/2014 của UBND huyện Đ2 về việc thu hồi diện tích đất chuyên trồng lúa nước (LUC) do UBND thị trấn H2 quản lý **(QĐ số 1296)**; Văn bản số 1940/UBND-NC ngày 27/04/2016 của UBND tỉnh Phú Yên v/v trả lời nội dung khiếu nại, kiến nghị phản ánh, đề nghị của ông Nguyễn Thành Đ (**VB số 1940**); Thông báo số 02/TB-UBND ngày 07/01/2016 của UBND huyện Đ2 về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành Đ (**TB số 02**); Quyết định số 1319/QĐ-UBND ngày 09/10/2014 của UBND huyện Đ2 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phần liên quan đến bà Lê Thị Tuyết Q2, Nguyễn Thị Kim V (**QĐ số 1319**); Quyết định số 1728/QĐ-UBND tháng 10/2014 về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Lê Thị Tuyết Q2 (đợt

42) (**QĐ số 1728**); Quyết định số 1729/QĐ-UBND ngày 15/10/2014 về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Nguyễn Thị Kim V (đợt 42**)** (**QĐ số 1729**). Yêu cầu bồi thường, hỗ trợ về đất các thửa 257, 258, 264 và diện tích đất đường đi khi thu hồi để thực hiện công trình mở rộng Quốc lộ 1; Bố trí tái định cư tại chỗ cho gia đình bà V; Hỗ trợ tiền làm nhà trong quá trình thực hiện Dự án, bởi vì gia đình bà V thuộc diện hộ nghèo có mã số.

2. Về án phí hành chính: Các ông bà Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thành Q, Nguyễn Thành Q1, Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Thị Kim V, Nguyễn Thị Kim N phải chịu 300.0000đ án phí hành chính phúc thẩm. Các ông bà Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thành Q, Nguyễn Thành Q1, Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Thị Kim V, Nguyễn Thị Kim N đã tạm ứng 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm theo biên lai số 12980 ngày 02/01/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên (đã nộp đủ án phí).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (05/11//2019).

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Trường